TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **504** /2020/KDTM-PT Ngày: 12-6-2020 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Ông Lê Công Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 279/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1640/2020/QĐ-PT ngày16 tháng 4 năm 2020, Quyết định Hoãn phiên tòa số 4835/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: 13 đường K, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đại C - là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 4784/UQ-HCM.KHDN2 ngày 10/8/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần V

Trụ sở: Tổ 4 Khu phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đăng H là đại diện theo pháp luật. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 34 đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Cao Thùy Tuyết M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 34 đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn D là đại diện theo ủy quyền theo

Giấy ủy quyền số 020868, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2018 lập tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

3.3. Chị Phạm Hồng Sông H, sinh năm 1998.

Cư trú tại: Số 34 đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn D - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 013745, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi). (Có mặt)

3.4. Chị Phạm Hồng Minh C, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số 34 đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn D - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 013745, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi). (Có mặt)

3.5. Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 00019695, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2018 lập tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm).

Địa chỉ: 12 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 12 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ông Đặng T, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: 45 Lô A, Phường T, Quận P Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: 45 Lô A, Phường T, Quận P Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Chị Đặng Thị Hồng P, sinh năm 2001.

Địa chỉ: 45 Lô A, Phường T, Quận P Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

3.10. Công ty Cổ phần V.

Trụ sở: 43 đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị M, đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 03/2018/UQ-TV ngày 01/11/2019). (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M, Ông Đặng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T, ông Nguyễn Đại C - Đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/7/2012, Ngân hàng T - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là VCB HCM) và Công ty Cổ phần V (Công ty V) ký kết Hợp đồng tín dụng

số 0127/KH/12NH, theo đó VCB HCM cấp cho bên cho vay là Công ty V hạn mức tín dụng với số tiền 100.000.000.000 đồng dưới hình thức: Cho vay, chiết khấu/ ứng trước bộ chứng từ hàng xuất khẩu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 60 tháng. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số 0127/KH/12NH , cùng ngày VCB HCM và Công ty V cũng đã ký Phụ lục Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0127/KH/12NH; Ngày 15/7/2013, VCB HCM và Công ty V ký kết Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01/HĐTDSĐBS và Phụ lục hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV-0127/KH/12NH. Ngày 16/12/2013, VCB HCM và Công ty V ký kết Thỏa thuận kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng Tín dụng nêu trên; Ngày 03/9/2014, VCB HCM và Công ty V ký Hợp đồng tín dụng Sửa đổi bổ sung số 02/HĐTDSĐBS và Phụ lục Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0127/KH/12NH, với nội dung:

Phương thức cho vay: Hạn mức; Giới hạn tín dụng: 150.000.000.000 đồng; Thời gian rút vốn: Đến hết ngày 31/05/2015; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh; Thời hạn cho vay: theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay.

Quá trình nhận nợ vay của Công ty V:

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cho vay theo hạn mức, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung và các Phụ lục đính kèm nêu trên VCB HCM tiến hành giải ngân rút vốn và thực hiện việc trả nợ vay nhưng không thực hiện đúng cam kết, khoản nợ đã phát sinh thành nợ xấu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tạm tính đến hết ngày 29/11/2019 Công ty V còn nợ và phải trả cho VCB số tiền như sau:

Nợ gốc: 94.772.608.296 đồng; Nợ lãi trong hạn: 39.684.183.502 đồng; Nợ lãi quá hạn: 18.440.739.613 đồng; Tổng cộng: 152.897.531.411 đồng.

Các khoản nợ vay của Công ty V tại VCB HCM được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản (cũng được bảo đảm chung cho khoản nợ vay của Công ty V) do chủ sở hữu tài sản thế chấp cho VCB HCM như sau:

Tài sản thế chấp số 1: là tài sản gắn liền với đất và Công trình xây dựng khác (nhà, xưởng gồm: Văn phòng, nhà ở công nhân, nhà máy, nhà điện, xưởng cơ khí) tọa lạc tại Thửa đất số 01,Tờ bản đồ số 06; Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh - SKC (xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến và kinh doanh tinh bột khoai mì) (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CT00560 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/5/2013 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BM189116, số vào sổ cấp GCN:

CT00561 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/05/2013). Công ty Cổ phần V đã thế chấp cho VCB HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0231/NHNT ngày 24/06/2013 (được Công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tây Ninh ngày 24/6/2013, số công chứng 3826, quyển số 06.TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/06/2013, quyển số 01 số 000034 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh). Giá trị tài sản khi thế chấp là 65.640.671.306 đồng.

Tài sản thế chấp số 2: là máy móc, thiết bị chế biến tinh bột sắn tại khu phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0224/NHNT ngày 08/09/2014 giữa chủ sở hữu tài sản thế chấp là Công ty V và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/09/2014 tại Trung Tâm đăng ký giao dịch tài sản Tp. Hồ Chí Minh chứng nhận số đăng ký 1165028255, ngày 10/9/2014. (Giá trị tài sản khi thế chấp: 92.716.595.739 đồng).

Tài sản thế chấp số 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số Số 34 đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7605/99 do UBND TP.HCM cấp ngày 29/06/1999; đăng ký thay đổi chủ sở hữu ngày 10/3/2000 cho ông Phạm Văn D kèm theo Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 07/3/2000). Chủ sở hữu tài sản là ông Phạm Văn D đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/09/2012 (được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng 039350, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/09/2012; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/09/2012 và được chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 07/9/2012 vào số đăng ký thế chấp quyển số 10, số đăng ký 2012-0912-VP, số thứ tự ghi sổ 12 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 Tp.HCM) và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 01-0309/HĐTCSĐBS ngày 09/10/2013 (được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng: 036268, quyển số: 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2013.

Tài sản thế chấp số 4: Là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Căn hộ số 45 Lô A, Phường T, Quận P Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, quận P) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 900/ĐCNĐ do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/2003; kèm theo Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 21/05/2003. Bên thế chấp là ông Đặng T, bà Hồ Thị X đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2263/NHNT ngày 30/7/2012 (được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng 030669, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2012; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/7/2012 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận Tân Phú vào sổ tiếp nhận hồ sơ số thứ tự 5461) và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 01-2263/HĐTCSĐBS ngày

09/10/2013 (được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng 036271, quyển số: 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2013.

Tài sản thế chấp số 5 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 12 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB272485, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00204 do UBND quận Tân Phú cấp ngày 18/01/2005. Chủ sở hữu là ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0304/NHNT ngày 21/08/2012 (được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng 036006, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/08/2012; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/08/2012 và được chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 22/08/2012 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Tân Phú Tp. Hồ Chí Minh); Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0304/HĐTCSĐBS ngày 09/10/2013 được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng: 036269, quyển số: 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2013.

Tài sản thế chấp số 6 là: Xe Ô tô 07 chỗ hiệu Kia Sorento theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ôtô số 001968 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/03/2012. Công ty TNHH MTV V (nay là công ty CP Thành Vũ Tây Ninh) đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0338/NHNT ngày 03/09/2013; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/09/2013 và được Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1148590312 hiệu lực ngày 04/09/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thể chấp sửa đổi bổ sung số 02-338/HĐTCSĐBS ngày 08/09/2014 và số 01-338/HĐTCSĐBS ngày 04/10/2013. Giá trị tài sản khi thế chấp: 749.000.000 đồng.

Về việc xử lý tài sản bảo đảm trong quá trình thụ lý của Tòa án:

+ Đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 55/10 Tân Quý, (tài sản số 5): Ngày 31/10/2018, ông H và Bà H là chủ tài sản thế chấp số 5 đã nộp số tiền 3.176.000.000 đồng cho VCB HCM để trả nợ gốc thay cho Công ty V và VCB HCM đã giải chấp tài sản này.

+ Đối với tài sản gắn liền với đất là Nhà, xưởng (tài sản số 1) và Máy móc, thiết bị (tài sản số 2) và xe Ô tô 07 chỗ hiệu Kia Sorento (tài sản số 6): Để tránh giảm sút về giá trị của tài sản bảo đảm theo thời gian VCB đã phối hợp với chủ tài sản bảo đảm là Công ty V và người liên quan là Công ty V để thỏa thuận đưa tài sản bảo đảm là công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và xe ôtô Kia Sorento biển số 70A-015.22 nêu trên để bán đấu giá để thu hồi nợ.

Ngày 22/11/2018, VCB HCM, Công ty V và Công ty V đã ký Văn bản thỏa thuận xử lý tài sản theo phương thức bán đấu giá , các bên thống nhất xử lý, bán đấu giá các tài sản bảo đảm nêu trên của Công ty V để thu hồi nợ theo tỷ lệ dư

nợ của hai Công ty tại thời điểm thu nợ. Ngày 21/12/2018, VCB, Công ty V và Công ty Đấu giá hợp danh Bến Thành ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá số 83/2018/HĐDVĐG/BTA.HCM để đưa các tài sản trên đem ra bán đấu giá. Kết quả bán đấu giá:

+ Đối với Tài sản số 1, số 2: Công ty Đấu giá hợp danh Bến Thành đã tổ chức bán đấu giá với giá trúng đấu giá là 71.661.973.028 đồng, người mua trúng đấu giá là Công ty Cổ phần T. Do người tham gia trúng đấu giá lần trước đó từ bỏ nên số tiền đặt cọc 7.584.766.365 đồng đã được VCB HCM gộp vào số tiền đấu giá thành (71.661.973.028 đồng), như vậy tổng số tiền thu vào là 79.246.739.393 đồng. Sau khi người trúng đấu giá chuyển đủ số tiền thanh toán tiền mua tài sản và trừ chi phí nêu trên, VCB đã hạch toán thu nợ gốc: Thu nợ gốc Công ty V số tiền: 46.095.591.248 đồng; Thu nợ gốc Công ty V số tiền: 18.090.930.572 đồng. Sau khi trừ chi phí xử lý tài sản bảo đảm, VCB HCM đang tạm giữ số tiền 20% là 14.332.394.606 đồng trên giá bán đấu giá thành để nộp thuế chuyển nhượng bất động sản (nếu có) và tiến hành các thủ tục chuyển nhượng tài sản cho người mua trúng đấu giá.

+ Đối với xe Ô tô (tài sản số 6): Ngày 26/06/2019, Công ty Đấu giá hợp danh Bến Thành đã tổ chức bán đấu giá thành công với giá trúng đấu giá là 365.000.000 đồng. Sau khi người trúng đấu giá chuyển đủ số tiền trúng đấu giá và trừ các chi phí xử lý tài sản bảo đảm, VCB HCM đã tiến hành bàn giao tài sản và bàn giao giấy tờ tài sản cho người trúng đấu giá và hạch toán thu nợ: Thu nợ gốc Công ty V số tiền: 242.803.053 đồng; Thu nợ gốc Công ty V số tiền: 95.508.011 đồng.

Vì một số tài sản bảo đảm cho Công ty V đã được bán đấu giá để thu hồi nợ, do đó VCB rút một phần yêu cầu phát mại đối với các tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ cho VCB như sau:

Rút yêu cầu về việc phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 55/10 Tân Quý, (tài sản số 5) và xe ôtô Kia Sorento, biển số 70A-015.22 (tài sản số 6); Rút yêu cầu về việc phát mại tài sản bảo đảm là: Tài sản gắn liền với đất là Nhà, xưởng (tài sản số 1) và Máy móc, thiết bị (tài sản số 2).

Nay, VCB yêu cầu:

Buộc Công ty V phải trả nợ ngay cho VCB toàn bộ Số tiền tạm tính đến hết ngày 29/11/2019 là 152.897.531.411 đồng, trong đó: Nợ gốc là 94.772.608.296 đồng; nợ lãi trong hạn là 39.684.183.502 đồng; nợ lãi quá hạn là 18.440.738.613 đồng và số tiền lãi vẫn tiếp tục được tính, phát sinh kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi Công ty V trả hết nợ gốc cho VCB.

Trường hợp Công ty V không trả nợ ngay hoặc trả nợ không đầy đủ ngay cho VCB số tiền nợ vay nêu trên thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số Số 34 đường K;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là: Căn hộ số 45 Lô A.

Nếu sau khi phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thi hành án thì VCB có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần V để thi hành án.

- Bị đơn Công ty Cổ phần V có ông Hồ Công C (Hồ H) là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền, sau là ông Nguyễn Đăng H đại diện theo pháp luật trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Bị đơn xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, các tài sản thế chấp, số tiền vay, số tiền còn nợ, sự liên quan giữa VCB, và các cá nhân, Công ty V với bị đơn là đúng. Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán được các khoản nợ trên cho Ngân hàng nên bị đơn đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán các khoản nợ trên.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị đơn, nguyên đơn và các bên liên quan đã thỏa thuận thuê Công ty bán đấu giá Bến Thành bán đấu giá một số tài sản của bị đơn thế chấp cho nguyên đơn gồm: Các công trình nhà, xưởng, thiết bị, máy móc, xe Ô tô hiệu Sorento, biển số: 70A-015.22. Kết quả bán đấu giá như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Ngoài ra, ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H - chủ sở hữu tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 12 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp đủ số tiền 3.176.000.000 đồng cho VCB HCM để trả nợ gốc thay cho Công ty V và nguyên đơn đã giải chấp tài sản cho ông H, Bà H. Hiện nay bị đơn đang nỗ lực tìm kiếm nguồn tiền để trả nợ. Nay bị đơn yêu cầu nguyên đơn căn cứ vào giá trị các tài sản đã bán để cấn trừ vào khoản nợ của bị đơn. Trường hợp còn dư nợ bị đơn chấp nhận để cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm khác để trả nợ cho nguyên đơn theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn D đồng thời là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của bà Cao Thùy Tuyết M, chị Phạm Hồng Sông H, chị Phạm Hồng Minh C trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Ông đã dùng tài sản là căn nhà Số 34 đường K để bảo lãnh cho khoản vay tín dụng của Công ty V tại VCB HCM theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/09/2012 được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng 039350, quyển số 09

TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/09/2012. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/09/2012 và được chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 07/9/2012 vào số đăng ký thế chấp Quyển số 10, số đăng ký 2012-0912-VP, số thứ tự ghi sổ 12 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCSĐBS ngày 09/10/2013 được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn, số công chứng: 036268, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2013.

Ông và các đương sự do ông đại diện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất tại số Số 34 đường K theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở hồ sơ gốc số 7605/99 ngày 29/06/1999 do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp, chuyển sở hữu ngày 10/03/2000 của ông Phạm Văn D vì những lý do: Ngày 06/9/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/NHNT chỉ có ông ký vào hợp đồng mà không có chữ ký của vợ ông lúc đó là bà Minh là vi phạm pháp luật. Ông khẳng định căn nhà Số 34 đường K vào thời điểm ký hợp đồng chế chấp và hợp đồng thế chấp bổ sung nêu trên là tài sản của ông và bà Minh, Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của hai vợ chồng. Trong trường hợp này, bà Minh không ủy quyền cho ông hay một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác để thực hiện việc ký kết hợp đồng thế chấp nhằm bảo lãnh cho khoản vay của Công ty V và Công ty V. Do đó, ông có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/NHNT ngày 06/9/2012 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 01-0309/HĐTCSĐBS ngày 09/10/2013 là vô hiệu và yêu cầu Công ty V và Công ty V phải trả ngay khoản tiền nợ cho VCB và Ngân hàng hoàn trả lại tài sản ông đã bảo lãnh cho hai Công ty là căn nhà nêu trên. Trường hợp Công ty V và Công ty V không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ theo đúng thời hạn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và ông không có thắc mắc, khiếu nại gì.

2. Bà Nguyễn Thị H đồng thời là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy H trình bày trong quá trình tố tụng:

Bà H xác nhận quan hệ hợp đồng tín dụng giữa các bên như ý kiến của đại diện nguyên đơn, bị đơn và đề nghị Ngân hàng đồng ý cho ông bà trả số tiền nợ gốc thay cho Công ty Cổ phần V là 3.176.000.000 đồng và nguyên đơn tiến hành thủ tục giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất tại số 12 đường Tthuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà. Nếu bà và ông H chưa thanh toán được cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc nêu trên thì bà và ông H đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp và cam kết không thắc mắc, khiếu

nại gì. Ngày 31/10/2018, ông H và Bà H đã nộp đủ số tiền 3.176.000.000 đồng cho VCB HCM để trả nợ gốc thay cho Công ty V và VCB HCM đã giải chấp tài sản cho ông H và Bà H cùng ngày. Bà H, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Đặng T và bà Hồ Thị X có ông Hồ H (Hồ Công C) là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền, sau trực tiếp tham gia tố tụng trình bày trong quá trình tố tụng:

Trước đây ông và bà X ủy quyền tham gia tố tụng cho ông C, ông bà đã có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên do ông C bệnh, nay ông trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa, bà X do bận công việc nên không có mặt. Ông T, bà X xác nhận đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2263/NHNT ngày 30/7/2012 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu là căn hộ số 2.22 Cư xá Gò Dầu 2 thuộc sở hữu của vợ chồng ông bà để đảm bảo khoản vay cho Công ty V và Công ty V như lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn. Hiện nay, ông bà đang sinh sống cùng con gái là Đặng Thị Hồng P tại căn hộ, không cho ai thuê, ở nhờ. Ông bà đề nghị được trả nợ thay cho bị đơn khi có tiền. Trường hợp Công ty V và Công ty V không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ theo đúng thời hạn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và ông không có thắc mắc, khiếu nại gì.

4. Chị Đặng Thị Hồng P: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bà P thông qua cha ruột của bà P là ông Đặng T, ông T cam kết chuyển tận tay cho bà P các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng bà P đã không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không có bất cứ một văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu nào của mình về ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và các đương sự khác.

5. Công ty Cổ phần V có ông Hồ H (Hồ Công C) đại diện theo pháp luật, sau do bà Nguyễn Thị M - tham gia tố tụng theo ủy quyền trình bày:

Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, các tài sản thế chấp, số tiền vay, số tiền còn nợ, sự liên quan giữa VCB, Công ty V và Công ty V là đúng. Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán được các khoản nợ trên cho Ngân hàng mặc dù đã nỗ lực nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty thanh toán các khoản nợ.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử các bên và nguyên đơn đã thỏa thuận thuê Công ty bán đấu giá Bến Thành để bán đấu giá một số tài sản của Công ty thế chấp cho nguyên đơn gồm: Các công trình nhà, xưởng, thiết bị, máy móc, xe Ô tô hiệu Sorento, biển số: 70A-015.22. Kết quả bán đấu giá như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Nay, Công ty yêu cầu nguyên đơn căn cứ vào giá trị các tài sản đã bán để cấn trừ vào khoản nợ của bị đơn Công ty. Trường hợp còn dư nợ,

Công ty chấp nhận để cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm khác để trả nợ cho nguyên đơn theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn nêu trên.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 279/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 299; khoản 7 Điều 324; khoản 1 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91; 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Cổ phần V không trả hết nợ là: Tài sản gắn liền với đất là Công trình nhà xưởng, hệ thống thiết bị, máy móc chế biến tinh bột sắn, tọa lạc tại: Thửa đất số: 01; Tờ bản đồ số: 06; Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BM189115, số vào sổ cấp GCN: CT00560 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/05/2013 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BM189116, số vào sổ cấp GCN: CT00561 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/05/2013. Chủ sở hữu tài sản thế chấp: Công ty TNHH MTV V(nay đổi thành là Công ty Cổ phần V), 01 xe Ô tô hiệu Kia Sorento, biển kiểm soát: 70A-015.22 trước đây thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần V và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 12 đường T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AB272485, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00204 do UBND quận Tân Phú cấp ngày 18/01/2005 cho ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần V trả ngay cho Ngân hàng T các khoản nợ gồm: Nợ gốc là 94.772.608.296 (chín mươi bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm linh tám nghìn, hai trăm chín mươi sáu)

đồng; nợ lãi trong hạn là 39.684.183.502 (ba mươi chín tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm linh hai) đồng; nợ lãi quá hạn là 18.440.739.613 (mười tám tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm mười ba) đồng, tổng cộng là: 152.897.531.411 (một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm mười một) đồng tạm tính đến hết ngày 29/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 0127/KH/12NH ngày 27/7/2012, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 01/HĐTDSĐBS ngày 15/7/2013, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0127/KH/12NH ngày 27/7/2012, Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0127/KH/12NH ngày 15/7/2013 và số 03/CV-0127/KH/12NH ngày 03/9/2014 và Thỏa thuận kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng ngày 16/12/2013 theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/11/2019 theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng sửa đổi bổ sung, các hợp đồng cho vay theo hạn mức nêu trên cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không trả nợ, không trả nợ đủ khi Quyết định, Bản án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số Số 34 đường K, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 7605/99 do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/06/1999 cho Nguyễn Ngọc Mai; đăng ký thay đổi chủ sở hữu ngày 10/3/2000 cho ông Phạm Văn D;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là: Căn hộ số 2.22 Chung cư Lô A - Cư xá Gò Dầu 2, Phường 14, quận Tân Bình, Tp.HCM (nay là phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 900/ĐCNĐ do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/2003 cho ông Đặng T và bà Hồ Thị X.

Ông Phạm Văn D, ông Đặng T, bà Hồ Thị X, có quyền yêu cầu Công ty V hoàn trả giá trị bảo lãnh đã thi hành cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty V theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Trường hợp Công ty Cổ phần V thi hành các khoản nợ nêu trên mà không C phát mãi các tài sản thế chấp thì Ngân hàng T có trách nhiệm hoàn trả các bản chính giấy tờ liên quan đến các tài sản thế chấp cho các chủ tài sản thế chấp và tiến hành các thủ tục giải chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ để thi hành án thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành đối với các tài sản khác (nếu có) thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần V.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 146.381.096 (một trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm chín mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0023436 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

Công ty Cổ phần V phải chịu là 260.897.531 (hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi mốt) đồng;

Ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M, chị Phạm Hồng Sông H, chị Phạm Hồng Minh C mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Đến ngày 10/12/2019 Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định số 0002/2019/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm với nội dung bổ sung " Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M, chị Phạm Hồng Sông H, chị Phạm Hồng Minh C yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/9/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCĐBS ngày 09/10/2013 là vô hiệu".

Sau khi xét xử sơ thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn D đã nộp đơn kháng cáo vào ngày 10 tháng 12 năm 2019, bà Cao Thùy Tuyết M đã nộp đơn kháng cáo vào ngày 11 tháng 12 năm 2019 và ông Đặng T đã nộp đơn kháng cáo vào ngày 12 tháng 12 năm 2019 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 279/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D trình bày*: Gia đình ông đã nộp đơn yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/9/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCĐBS ngày 09/10/2013 là vô hiệu vì vào thời điểm ông Dũng thế chấp căn nhà số Số 34 đường K, phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ông Dũng và bà Minh đang chung sống hợp pháp và căn nhà đó được tạo lập trong quá trình chung sống. Tòa án nhân dân Quận 1 đã cho ông Dũng đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập này nhưng không xem xét yêu cầu độc lập của ông. Đến ngày 10/12/2019 Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định số 6002/2019/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm với nội dung bổ sung " Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M, chị Phạm Hồng Sông H, chị Phạm Hồng Minh C yêu

cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/9/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCĐBS ngày 09/10/2013 là vô hiệu", phần quyết định bổ sung này không thông qua Hội đồng xét xử. Sau khi tòa sơ thẩm xét xử ông Dũng xin sao chụp hồ sơ thì thấy Biên bản phiên tòa và Biên bản nghị án ngày 29/11/2019 của Hội đồng xét xử gồm có ba người không có nghị án về yêu cầu độc lập của gia đình ông. Nên việc thẩm phán chủ tọa tự ban hành quyết định bổ sung này không thông qua Hội đồng xét xử là cố ý ra bản án trái pháp luật và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng T trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải gánh chịu cả khoản nợ của Công ty V là không đúng vì vợ chồng ông chỉ cho Công ty V mượn hồ sơ nhà để vay 700.000.000 đồng, đề nghị sửa án sơ thẩm về phần thế chấp nhà của vợ chồng ông.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M và ông Đặng T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do các đương sự đã thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết tranh chấp, nên Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan (ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M và ông Đặng T) là hợp lệ, nên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại cấp sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông/bà Phạm Văn D, Cao Thùy Tuyết M, Phạm Hồng Sông H, Phạm Hồng Minh C có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/09/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCSĐBS ngày 09/10/2013 được Công chứng tại Phòng Công chứng Sài Gòn là vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã cho ông Phạm Văn D đóng tiền tạm ứng án phí DSST đối với yêu cầu này theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0023671 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản án sơ thẩm trong phần Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định không xem xét về yêu cầu độc lập nêu trên của ông Phạm Văn D, trong phần quyết định của bản án không có tuyên chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông/bà Phạm Văn D, Cao Thùy Tuyết M, Phạm Hồng Sông H, Phạm Hồng Minh C và tại Biên bản nghị án ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng xét xử thể hiện không có thảo luận và quyết định về yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn D là vi phạm quy định tại Điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự về Bản án sơ thẩm: "*Trong phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án phải ghi yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan…. Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án*" và Khoản 3 Điều 264 Bộ luật Tố tụng Dân sự về Nghị án: *"Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử*".

[3] Đến ngày 10/12/2019, Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định số 6002/2019/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm với nội dung bổ sung " Không chấp nhận yêu cầu của ông/bà Phạm Văn D, Cao Thùy Tuyết M, Phạm Hồng Sông H, Phạm Hồng Minh C yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0309/NHNT ngày 06/9/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 01-0309/HĐTCĐBS ngày 09/10/2013 là vô hiệu". Quyết định sửa chữa bổ sung số 6002/2019/QĐ-SCBSBA là không đúng vì như đã phân tích ở mục [2], Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu trên và biên bản nghị án cũng không thể hiện nội dung này, vi phạm qui định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: "*sau khi tuyên án xong thì không được sữa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai*".

[4]Với những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn D và bà Cao Thùy Tuyết M, đó là yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn D chưa được giải quyết tại cấp sơ thẩm, không đảm bảo hai cấp xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm

Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M và đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa quyết định hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phạm Văn D, bà Cao Thùy Tuyết M và ông Đặng T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 279/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn D số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0005572 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hoàn trả lại cho bà Cao Thùy Tuyết M số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0005563 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

5. Hoàn trả lại cho ông Đặng T số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0005547 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh